

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

KẾT QUẢ CẨN ĐẶT

- Hiểu được hoàn cảnh lịch sử và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.
- Nhận thức được sự khác nhau của hai bộ phận văn học hợp pháp và bất hợp pháp⁽¹⁾ về đội ngũ nhà văn, hoàn cảnh sáng tác, tính chất, vị trí và những đóng góp đối với lịch sử văn học dân tộc về tư tưởng và nghệ thuật.
- Hiểu được trên nét lón thành tựu của văn học thời kì từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

Văn học Việt Nam thời kì từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 tuy chỉ diễn ra không đầy nửa thế kỉ, nhưng có vị trí rất quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử văn học Việt Nam. Ở thời kì này, xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi lớn dẫn đến những biến đổi sâu sắc trong ý thức và tâm lí con người. Mặt khác, nền văn hoá và tâm hồn người Việt, đến lúc đó có điều kiện vượt được ra ngoài giới hạn của khu vực ảnh hưởng văn hoá, văn học cổ Trung Hoa để tiếp xúc với thế giới hiện đại.

Những điều ấy giải thích các đặc điểm và thành tựu mới của thời kì văn học này.

I – ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Nền văn học được hiện đại hóa

Năm 1858, giặc Pháp nổ súng vào Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta. Từ đó đến hết thế kỉ XIX, bọn thực dân chủ yếu hoạt động về quân sự. Đến đầu

(1) Văn học hợp pháp và bất hợp pháp : còn gọi là văn học công khai và không công khai.

thế kỉ XX chúng mới thực sự tiến hành khai thác thuộc địa về mặt kinh tế. Sau hai cuộc khai thác lần thứ nhất và lần thứ hai (trước và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, 1914 - 1918), cơ cấu xã hội Việt Nam có những biến đổi sâu sắc.

Từ Nam chí Bắc, nhiều đô thị, thị trấn mọc lên như những trung tâm kinh tế, văn hoá, hành chính của xã hội thực dân. Ở đây, ra đời nhiều tầng lớp xã hội mới : tư sản, tiểu tư sản (viên chức, học sinh, những người buôn bán hay sản xuất nhỏ,...), công nhân, dân nghèo thành thị,... Những tầng lớp này có nhu cầu văn hoá, thẩm mỹ mới. Họ tạo thành một cộng chúng văn học ngày càng đông đảo và đòi hỏi một thứ văn chương mới.

Nhân vật trung tâm trong đời sống văn hoá thời kì từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 là tầng lớp trí thức Tây học (phân lớn là tiểu tư sản). Chủ yếu thông qua tầng lớp này, ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng, văn hoá, văn học của thế giới hiện đại ngày càng thẩm sâu vào ý thức người làm văn, đọc sách.

Trong xã hội thương mại, nhu cầu văn hoá tất dẫn đến những hoạt động kinh doanh văn hoá. Vì thế, nghề in, nghề xuất bản, nghề làm báo theo kỹ thuật hiện đại phát triển khá mạnh. Viết văn cũng trở thành một nghề kiếm sống tuy rất chật vật. Nhà văn và công chúng có quan hệ gắn bó hơn. Phê bình văn học ra đời và phát triển trên báo chí. Các quan điểm, các thị hiếu có điều kiện cọ xát với nhau. Đời sống văn học trở nên sôi nổi hơn, khẩn trương hơn.

Tất cả những điều kiện kể trên giải thích vì sao nền văn học Việt Nam phải nhanh chóng hiện đại hoá. Đây là một đòi hỏi tất yếu, khách quan của lịch sử văn học dân tộc ta trong thời đại mới.

Ở đây khái niệm hiện đại hoá được hiểu theo nghĩa : văn học thời kì này thoát ra khỏi thi pháp văn học trung đại⁽¹⁾ và đổi mới theo hình thức văn học phương Tây.

Quá trình hiện đại hoá từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945, về đại thể, diễn ra qua ba giai đoạn :

a) *Giai đoạn thứ nhất* (từ đầu thế kỉ đến khoảng năm 1920) có thể xem là giai đoạn chuẩn bị các điều kiện vật chất cần thiết cho công cuộc hiện đại hoá : chữ quốc ngữ được phổ biến ngày càng rộng rãi ; báo chí, dịch thuật phát triển

(1) *Thi pháp văn học trung đại* : hệ thống các hình thức thể loại chặt chẽ, ngôn từ nhiều điển cố và biểu tượng ước lệ, lối sáng tác sùng cổ, coi trọng chức năng giáo hoá, ít chú trọng yếu tố cá nhân.

giúp câu văn xuôi quốc ngữ trưởng thành nhanh chóng. Tuy nhiên, thành tựu hiện đại hoá trong sáng tác chỉ mới giới hạn ở một số truyện kí của mấy cây bút Nam Bộ, nghệ thuật còn nhiều hạn chế. Nền văn học đất nước, trong dòng chủ lưu, vẫn là thơ văn của các chí sĩ cách mạng. Ở các nhà Hán học này, tư tưởng chính trị, xã hội tuy đã đổi mới, nhưng quan điểm và tình cảm thẩm mĩ, thể hiện qua sáng tác nghệ thuật, vẫn không khác bao nhiêu so với các cây bút của thế kỉ XIX.

b) *Giai đoạn thứ hai* (khoảng từ năm 1920 đến năm 1930) : Quá trình hiện đại hoá của văn học đã đạt được một số thành tựu vang dội : tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách ; truyện ngắn Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học,... ; thơ Tân Đà ; kịch của Vũ Đình Long, Vi Huyền Đắc, Nam Xương,... Tuy nhiên, những yếu tố của văn học cổ vẫn còn tồn tại phổ biến ở mọi thể loại từ nội dung đến hình thức. Vì thế, người ta thường gọi giai đoạn thứ hai này là giai đoạn quá độ (còn gọi là giai đoạn giao thời).

Song song với quá trình hiện đại hoá của văn học trong nước, phải kể đến những truyện kí rất hiện đại của Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp cũng ra đời vào những năm hai mươi tại Pa-ri.

c) *Giai đoạn thứ ba* (từ khoảng năm 1930 đến năm 1945) : Công cuộc hiện đại hoá được nâng lên một chất lượng mới với nhiều cuộc cách tân sâu sắc trên mọi thể loại, đặc biệt là về tiểu thuyết, truyện ngắn và thơ. Hai thể loại mới là phóng sự và phê bình văn học cũng chính thức ra đời với nhiều cây bút tài năng.

Có thể khẳng định nền văn học Việt Nam đến giai đoạn thứ ba này đã thực sự trở thành hiện đại.

2. Nhịp độ phát triển đặc biệt mau lẹ

Văn học nước ta thời phong kiến từng có lúc phát triển mạnh với những thành tựu rực rỡ và những tên tuổi đáng tự hào như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Tú Xương,... Nhưng bước vào thế kỉ XX, nhờ những điều kiện văn hoá, lịch sử mới, nhịp độ phát triển của nó càng khẩn trương hơn.

Nhịp độ phát triển nói ở đây bao gồm nhiều nghĩa : nhịp độ phát triển về số lượng, nhịp độ cách tân, nhịp độ trưởng thành, nhịp độ kết tinh ở những cây bút có tài năng. Chính vì thế, trong *Nhà văn hiện đại*, Vũ Ngọc Phan đã khẳng định : "Ở nước ta, một năm đã có thể kẽ như ba mươi năm của người".

Vì sao văn học thời kì này lại có tốc độ phát triển khác thường như thế ?

Một mặt phải nói đến sự thúc bách của yêu cầu thời đại. Nhưng điều quyết định phải thấy là ở bản thân tiềm lực chủ quan của nền văn học dân tộc. Dân tộc ta có một sức sống mãnh liệt mà hạt nhân là lòng yêu nước, tinh thần dân tộc. Tiếng Việt và văn chương Việt là một phương diện biểu hiện của sức sống ấy. Điều đó giải thích vì sao ách thống trị kéo dài của phong kiến Trung Quốc hàng nghìn năm, của thực dân Pháp hàng trăm năm và nhiều cuộc chiến tranh xâm lược đã không huỷ diệt được dân tộc ta, tiếng nói và văn chương của chúng ta. Giờ đây, những cuộc vận động cách mạng liên tục, rộng khắp trên tinh thần dân chủ từ đầu thế kỷ XX, đặc biệt là từ năm 1930 đến năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đã truyền thêm sức mạnh cho nó. Những cuộc cách tân văn học sâu sắc đã mở đường cho nhiều tài năng. Ngoài ra, phải kể đến vai trò của tầng lớp trí thức Tây học. Do bản chất xã hội, do ảnh hưởng văn hoá phương Tây, họ đã thức tỉnh về ý thức cá nhân, vì thế khao khát xây dựng một sự nghiệp để khẳng định sự tồn tại có ý nghĩa của cá nhân mình trong đời sống. Mặt khác, xuất phát từ tinh thần yêu nước, các trí thức Tây học cũng muốn đóng góp một cái gì thật sự cho đất nước bằng tài trí của mình. Đóng góp ấy, trong điều kiện lịch sử và khả năng của họ, không gì hơn là hoạt động văn hoá, văn học. Ta hiểu vì sao nhiều người trong tầng lớp này đã lao vào nghề văn như tìm thấy ở đây lẽ sống và cơ hội để tỏ bày tấm lòng thuỷ chung của mình với đất nước, tổ tiên. Bao nhiêu tâm huyết họ gửi cả vào tiếng Việt. "Họ yêu vò cùng thứ tiếng trong mẩy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông". Họ coi đây "là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua", và đến lượt họ, họ cũng muốn gửi hồn mình vào đấy⁽¹⁾.

Với nhiệt tình ấy, họ đã đóng góp phần quan trọng đẩy mạnh tốc độ phát triển của văn học thời kì này. Ngoài ra còn phải kể đến lí do : ở thời kì 1900 - 1945, văn chương đã trở thành một thứ hàng hoá và viết văn đã trở thành một nghề kiếm sống. Đó là những nhân tố có tác dụng kích thích người viết văn, làm báo.

3. Sự phân hoá phức tạp thành nhiều xu hướng văn học

Nhìn chung, ở thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945, giới văn học có ý thức tự giác cao về trách nhiệm người cầm bút, về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mĩ của mình. Sự ra đời của phê bình văn học với nhiều cây bút chuyên nghiệp (Thiếu Sơn, Hoài Thanh, Đặng Thai Mai, Hải Triều, Vũ Ngọc Phan,...) đã thể hiện rõ sự phát triển ý thức đó.

(1) Ý kiến của Hoài Thanh trong bài *Một thời đại trong thi ca (Thi nhân Việt Nam)*.

Sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mĩ dẫn đến sự phân hoá thành nhiều xu hướng trong nội bộ nền văn học.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh chế độ thuộc địa, khi mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đều chịu sự tác động mạnh mẽ và sâu sắc của cuộc đấu tranh dân tộc quyết liệt kéo dài suốt tám mươi năm, sự phân hoá của nền văn học trước hết phải được xem xét ở mặt chính trị, nghĩa là phải căn cứ ở thái độ chính trị đối với chủ nghĩa thực dân (trực tiếp hay không trực tiếp chống thực dân Pháp) và ở quan niệm về mối quan hệ giữa văn học và chính trị của người cầm bút. Dựa trên cơ sở này, người ta nhận thấy văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 về đại thể đã hình thành hai bộ phận khác nhau.

a) *Bộ phận văn học phát triển hợp pháp* : Bộ phận này gồm những sáng tác được đăng tải và xuất bản công khai không bị thực dân Pháp cấm đoán. Tuy có tính dân tộc và chứa đựng những yếu tố tư tưởng lành mạnh, tiến bộ nhưng nó không có được ý thức cách mạng và tinh thần chống đối trực tiếp chế độ thực dân. Bộ phận này có điều kiện đầu tư công sức vào nghệ thuật. Nó có những đóng góp mang ý nghĩa quyết định đối với quá trình hiện đại hoá nền văn học trong thời kì này.

Do sự khác biệt về khuynh hướng nghệ thuật, bộ phận văn học phát triển công khai, hợp pháp tự bản thân nó cũng có sự phân hoá phức tạp, trong đó nổi lên hai xu hướng chính : xu hướng lãng mạn chủ nghĩa và xu hướng hiện thực chủ nghĩa.

Xu hướng lãng mạn chủ nghĩa thể hiện trực tiếp và sâu sắc *cái tôi* trữ tình tràn đầy cảm xúc, đồng thời phát huy cao độ trí tưởng tượng để diễn tả những khát vọng, ước mơ. Nhìn chung, các tác giả đề cập đến những quan hệ riêng tư, đến số phận cá nhân với thái độ bất hoà và bất lực trước môi trường xã hội tầm thường, giả dối, tú túng dưới ách thực dân. Thể loại thích hợp nhất với chủ nghĩa lãng mạn là thơ trữ tình và các thể loại văn xuôi trữ tình.

Xu hướng hiện thực chủ nghĩa chú trọng diễn tả và phân tích, lí giải một cách chân thực, chính xác quá trình khách quan của hiện thực xã hội thông qua những hình tượng điển hình. Các nhà văn hiện thực thường đi vào những đề tài xã hội với thái độ phê phán trên tinh thần dân chủ và nhân đạo. Thể loại thích hợp với chủ nghĩa hiện thực là tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự.

Cần chú ý, các xu hướng văn học nói trên luôn luôn ở trong quá trình diễn biến, đổi thay. Chúng tuy có mặt đối lập, thậm chí đôi khi xung đột gay gắt nữa, nhưng không hề biệt lập, trái lại, thường tác động qua lại, có khi chuyển hoá lẫn nhau.

b) *Bộ phận văn học phát triển bất hợp pháp* (thơ văn cách mạng bí mật, đặc biệt mang thơ ca trong tù) và *nửa hợp pháp* (văn thơ Đông Kinh nghĩa thực, văn thơ cách mạng vở sản thời kì Mặt trận Dân chủ Đông Dương 1936 - 1939,...) là sản phẩm của những nhà văn - chiến sĩ. Những người cầm bút này coi thơ văn trước hết là vũ khí chiến đấu, là phương tiện tuyên truyền vận động cách mạng. Quan niệm này được thể hiện nhất quán từ Phan Bội Châu :

Ba tác lưỡi mà guom mà súng, nhà cầm quyền trong gió cũng gai ghê.

(Văn tế Phan Châu Trinh)

đến Hồ Chí Minh :

Nay ở trong thơ nên có thép,

Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

(Cầm tưống đọc "Thiên gia thi")

Những sáng tác thuộc bộ phận văn học này đã sáng tạo được một hình tượng cao đẹp : người chiến sĩ - nhân vật tiên tiến của thời đại - đứng ở mũi nhọn nóng bỏng của cuộc đấu tranh yêu nước và cách mạng. Có thể phác họa những nét chính của hình tượng trung tâm này : căm thù sôi sục bọn cướp nước và bán nước, yêu thương vô hạn Tổ quốc và nhân dân, ngay cả khi bị tù dày vắn hiên ngang bất khuất - "Những kẻ vá trời khi lỡ bước - Gian nan chỉ kẻ việc con con" (*Đập đá ở Côn Lôn* - Phan Châu Trinh). Trong văn học cách mạng vở sản, ngoài những nét trên, ta còn thấy ở con người đó lí tưởng

PROSE ET POÉSIES DU ĐÓNG KINH NGHĨA THỰC

NHÓM BIÊN SOẠN : VŨ VĂN SÁCH, VŨ THỊ MINH HƯƠNG, PHILIPPE PAPIN

NGƯỜI GIỚI THIỆU : GIÁO SƯ ĐINH XUÂN LÂM



東京文塾詩文

Hình em bé khoẻ mạnh trong tư thế mang quả địa cầu màu đỏ trên vai là biểu tượng chung cho nhiều sách giáo khoa do Đông Kinh nghĩa thực ấn hành.
(Bìa sách của Nhà xuất bản Văn hóa, 1997)

mới của thời đại (lí tưởng cộng sản) nhờ thế mà nắm được quy luật tiến hóa của lịch sử và đấu tranh với tinh thần lạc quan chiến thắng. Tuy nhiên, do hoạt động trong hoàn cảnh bất hợp pháp và các tác giả lại phải tập trung trước hết vào hoạt động chính trị, bộ phận văn học này không có điều kiện gọt giũa nhiều về nghệ thuật.

II – THÀNH TỰU VĂN HỌC TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Về nội dung, tư tưởng

Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 vẫn tiếp tục phát huy những truyền thống tư tưởng lớn của văn học dân tộc, đồng thời đem đến cho những truyền thống ấy một đóng góp mới của thời đại : tinh thần dân chủ.

Về lòng yêu nước, Phan Bội Châu quan niệm "Dân là dân nước, nước là nước dân". Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh và các nhà văn vở sản thì gắn chủ nghĩa yêu nước với lí tưởng xã hội chủ nghĩa. Trong bộ phận văn học hợp pháp, tinh thần yêu nước thường thể hiện một cách kín đáo hơn, trước hết qua tình yêu tiếng Việt. Nó thấm vào các trang viết, tạo nên một cái gì như là linh hồn Việt Nam trong truyền thống đạo lý, truyền thống nhân bản được phát huy, trong những cảnh vật bình dị, những phong tục ngàn xưa được tái hiện, trong những gương mặt, dáng nét, những tính cách thân thuộc được khắc họa...

Tinh thần dân chủ cũng đem đến cho truyền thống nhân đạo những khía cạnh nội dung mới. Đối tượng chủ yếu của văn học thời kì này là những con người bình thường trong xã hội. Các nhà tiểu thuyết hiện thực và các nhà thơ cách mạng vở sản thì hướng hẳn về những tầng lớp nhân dân cực khổ, lầm than.

Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học thời kì này còn gắn liền với sự thức tỉnh về ý thức cá nhân của người cầm bút. Nhờ nhận thức được ý nghĩa sự tồn tại của mỗi cá nhân trong xã hội, nhiều cây bút thể hiện sâu sắc khát vọng sống mãnh liệt của mỗi cá nhân, muốn phát huy cao độ tài năng và phẩm giá mỗi con người. Họ đấu tranh chống luân lí, lẽ giáo phong kiến để giành quyền hưởng hạnh phúc cá nhân, đặc biệt xung quanh vấn đề tình yêu, hôn nhân, gia đình,... Càng hiểu sâu ý nghĩa của cuộc sống cá nhân, nhà văn càng cảm nhận thấm thía hơn nỗi khổ của những sinh mệnh sống vất vưởng trong đói nghèo, tăm tối, không tương lai, những cuộc sống vô nghĩa "mờ mờ nhân ảnh", càng cảm thấy cái không khí bức bối, tù túng của thân phận nô lệ trong xã hội thực dân,...

Tinh thần dân chủ cũng đem đến cho chủ nghĩa anh hùng một nội dung mới. Phan Bội Châu khẳng định : "Một nước có anh hùng hay không cũng là do nhân dân trong nước ấy có anh hùng hay không mà thôi" (*Sửng bái giai nhân*). Các cây bút vô sản thì gắn chủ nghĩa anh hùng với lí tưởng công sản và kết hợp chủ nghĩa yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản. Tác phẩm của họ tràn đầy ánh sáng lạc quan cách mạng.

2. Về hình thức thể loại và ngôn ngữ văn học

Nhìn chung, ở thời kì này, người cầm bút không thể thành công nếu không hiện đại hoá cách viết của mình.

Về các thể loại văn xuôi thì phát triển mạnh nhất là tiểu thuyết và truyện ngắn.

Ở nước ta, sự ra đời của *tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ*, bản thân nó đã là dấu hiệu của công cuộc hiện đại hoá văn học. Nhà tiểu thuyết đầu tiên khẳng định được chỗ đứng của mình là Hồ Biểu Chánh. Nhiều tác phẩm tiêu biểu của Hồ Biểu Chánh thường mô phỏng cốt truyện của tiểu thuyết phương Tây. Tuy nhiên, thành công của ông là đã Việt Nam hoá được tất cả và người đọc chỉ thấy trong *Ngọn cỏ gió đưa*, *Cay đắng mùi đời*, hay *Cha con nghĩa nặng*... cảnh trí, con người, lối sống của các tầng lớp nhân dân Nam Bộ. Nhưng các tác phẩm của ông chưa thoát khỏi lối bối cục chương hồi và cách kết thúc có hậu. Ngôn ngữ Hồ Biểu Chánh có tính bình dân và giàu chất sống thực tế, nhưng chưa đạt tới tính chuẩn mực của ngôn ngữ văn chương. Tiểu thuyết *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách mượt, linh hoạt hơn trong cách dựng truyện và diễn tả tâm lí nhân vật. Tuy thế, lối dẫn dắt tình tiết chưa thật tự nhiên, hành văn chưa thoát hẳn lối biền ngẫu và tật chèm vào những đoạn văn vần du dương kiểu cách.

Đến đầu những năm ba mươi, nhóm Tự lực văn đoàn đã đẩy cuộc cách tân tiểu thuyết lên một bước mới. Tính cách nhân vật được xem là trung tâm của tác phẩm. Đời sống nội tâm của nhân vật được phân tích, diễn tả tinh vi từ ý nghĩ, tình cảm, cảm xúc đến những cảm giác mơ hồ nhất. Nghệ thuật hội họa, điêu khắc hiện đại được vận dụng trong việc xây dựng những bức tranh phong cảnh hay chân dung con người. Lối dựng truyện tự nhiên, bối cục linh hoạt...

Tuy nhiên, tiểu thuyết Tự lực văn đoàn (tiêu biểu là các tác phẩm của Nhất Linh, Khái Hưng) có thiên hướng xa rời đời sống thực tế phong phú, phức tạp, lại thiếu tư tưởng sâu sắc, độc đáo nên nhanh chóng đi đến lối viết mòn sáo, hời hợt.

Các nhà tiểu thuyết hiện thực chủ nghĩa có công gắn tiểu thuyết với hiện thực lớn của đời sống nhân dân. Từ hiện thực ấy, nhà văn sáng tạo nên những khái quát nghệ thuật đầy sức sống. Ngôn ngữ tiểu thuyết cũng được chất lọc từ ngôn ngữ

đời sống và nâng lên đến trình độ nghệ thuật. Các nhà tiểu thuyết có đóng góp đáng kể theo khuynh hướng này là Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Hồng, Nam Cao, Mạnh Phú Tư, Đỗ Đức Thu,...

Thành tựu phong phú và vững chắc hơn của văn xuôi đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 là *truyện ngắn* với hàng loạt phong cách độc đáo, nối tiếp nhau đẩy thể loại này đạt đến trình độ nghệ thuật cao. Với những phong cách ấy, một số truyện ngắn Việt Nam thời kì này không đến nỗi xa cách với những thành tựu truyện ngắn xuất sắc trên thế giới.

Từ những truyện ngắn hiện đại buổi đầu của Phạm Duy Tốn và Nguyễn Bá Học đến khoảng những năm 1930 - 1945, truyện ngắn phát triển mạnh mẽ, liên tục. Mở đầu là lối truyện ngắn trào phúng rất ngắn và rất vui của Nguyễn Công Hoan. Tiếp đó là những truyện "không có chuyện" với những trang viết tinh tế, đậm chất thơ của Thạch Lam, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh,... rồi đến những truyện ngắn của Tò Hoài, Bùi Hiển, Kim Lân,... đã làm sống lại những phong tục của người dân quê qua con mắt quan sát sắc sảo, hóm hỉnh và những truyện của Nam Cao mang tư tưởng sâu sắc, có ý nghĩa khái quát rộng lớn, phân tích tinh lí tinh tế, chính xác, khắc họa nhân vật sinh động, góc cạnh, dựng truyện linh hoạt, giọng văn biến hoá, ngôn ngữ có sức diễn tả phong phú.

Cũng từ đầu những năm ba mươi trở đi, một thể loại văn học mới ra đời và phát triển mạnh : *phóng sự*. Đây là một thể văn báo chí, có tính tư liệu, nhằm điều tra sự thật về một tình trạng xã hội nào đó. Những cây bút phóng sự đáng chú ý là Vũ Trọng Phụng, Tam Lang, Ngô Tất Tố, Lê Văn Hiến. Trong số những nhà văn này Vũ Trọng Phụng là cây bút xuất sắc nhất, được coi là "ông vua phóng sự đất Bắc".

Bút ký, tuy bút được xem là loại "quân chủng" cơ động, gọn nhẹ trong đội quân văn học hiện đại. Trong thời kì văn học này, bút ký, tuy bút rất phát triển, nhưng trở thành nhà tuy bút, bút ký có sức viết dồi dào, liên tục thì chỉ có Nguyễn Tuân. Ngoài ra, có thể kể đến một số tên tuổi khác, tuy không thật chuyên, nhưng cũng để lại được một vài tác phẩm thành công : Thạch Lam với *Hà Nội bẩn sáu phố phường*, Xuân Diệu với *Trường ca*, Nguyễn Hồng với *Cuộc sống*,...

Sự ra đời của *kịch nói* là một thành tựu đáng kể của văn học thời kì này, tuy rằng số lượng tác phẩm chưa nhiều và chất lượng chưa cao. Nổi trội hơn cả là các tác phẩm *Ông Tây An Nam* của Nam Xương, *Kim tiên* của Vi Huyền Đắc, *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng, *Ngã ba* của Đoàn Phú Tú,...

Một trong những thành tựu lớn nhất của văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 là *thơ ca*. Mỗi bước đi của thơ trên đường hiện đại hóa đều

để lại những tên tuổi lớn : Tân Đà, Trần Tuấn Khải, Thế Lữ, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính,... Được giải phóng khỏi tính quy phạm chặt chẽ và hệ thống ước lệ của văn học trung đại, mỗi nhà thơ, bằng giác quan của chính mình, như lần đầu tiên khám phá ra thế giới : thế giới muôn màu sắc của ngoại cảnh và thế giới phong phú, tinh vi của nội tâm con người. Họ đã tạo nên nhiều tác phẩm xuất sắc viết về thiên nhiên và tình yêu. Dòng thơ cách mạng cũng có nhiều thành tựu đặc sắc, độc đáo – đặc biệt là mảng thơ làm trong tù để quốc. Khi bị bắt giam, các chiến sĩ yêu nước cũng như các chiến sĩ cách mạng vò sán đã bình tĩnh, ứng dụng vượt lên rất cao trên những thử thách gian lao, nguy hiểm, "Thân thể ở trong lao - Tinh thần ở ngoài lao" (Hồ Chí Minh). Họ biến ngục thất thành tao đàn. Những vần thơ yêu nước hay nhất phần nhiều là những vần thơ làm trong tù (nhiều bài thơ của Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Cao Vân, Lương Văn Can, Lê Đại, Hoàng Văn Thủ, Sóng Hồng, Trần Huy Liệu, Đặng Xuân Thiều, Trần Cung, Xuân Thuỷ, Tố Hữu,...). Tiêu biểu hơn cả cho thơ cách mạng thời kì này là tập *Nhật ký trong tù* của Hồ Chí Minh và tập *Tử áy* của Tố Hữu.

*
* * *

Thời kì văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 có một vị trí hết sức quan trọng xét trong toàn bộ tiến trình lịch sử của văn học Việt Nam. Nó đã thừa kế tinh hoa của truyền thống văn học dân tộc, khép lại sau lưng mình cả mươi thế kỉ văn học để mở ra phía trước một thời kì mới với những thành tựu và kinh nghiệm sẽ còn ảnh hưởng lâu dài trong tương lai : thời kì văn học hiện đại trong quan hệ rộng rãi với nhiều nền văn hoá trên thế giới.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

- 1. Đọc kĩ và lập dàn ý của bài học.**
- 2. Về đặc điểm cơ bản của thời kì văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 :**
 - a) Anh (chị) hiểu thế nào về khái niệm "văn học hiện đại" được dùng trong bài học ? Vì sao từ đầu thế kỉ XX, nền văn học Việt Nam mới thực sự bước vào quá trình hiện đại hóa ? Quá trình hiện đại hóa của nền văn học Việt Nam diễn ra như thế nào từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 ?
 - b) Anh (chị) hãy giải thích nguyên nhân của nhịp độ phát triển đặc biệt mau lẹ của văn học Việt Nam thời kì từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945.

c) Vì sao văn học Việt Nam thời kì đầu thế kỉ XX đến năm 1945 có sự phân hoá phức tạp ? Phân hoá như thế nào ? Những điểm khác nhau giữa hai bộ phận văn học hợp pháp và bất hợp pháp là gì ? (về đội ngũ nhà văn, hoàn cảnh sáng tác, tính chất, vị trí, đóng góp đối với lịch sử văn học dân tộc về tư tưởng và nghệ thuật).

3. Về thành tựu của thời kì văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 :

a) Những truyền thống tư tưởng lớn của lịch sử văn học Việt Nam là gì ? Văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 có đóng góp gì mới đối với những truyền thống ấy ? Thủ nêu một dẫn chứng cụ thể ở những tác phẩm đã học ở Trung học cơ sở.

b) Các thể loại văn học mới xuất hiện trong văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 là gì ? Sự cách tân, hiện đại hoá của các thể loại thơ, tiểu thuyết diễn ra như thế nào ?

4. Văn học Việt Nam thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 có vị trí quan trọng như thế nào trong toàn bộ tiến trình phát triển của lịch sử văn học Việt Nam ?

BÀI TẬP NÂNG CAO

Vì sao người ta gọi ba mươi năm đầu thế kỉ XX (1900 - 1930) là giai đoạn giao thời của văn học Việt Nam trên quá trình hiện đại hoá ?